TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06/3/2024
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hương Huyền

2. Bà Võ Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung -Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Kiều Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ánh H** sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: xã TH, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Đặng Tuấn Q** sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: xã TH, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Ánh H trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Tuấn Q chung sống với nhau năm 2011, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH vào ngày 10/12/2015. Trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên cự cãi do anh Q ăn chơi, không lo làm ăn, hay đánh đập chị, tiền anh Q làm ra dùng để tiêu xài cá nhân, không phụ chị nuôi con, anh Q còn lớn tiếng xúc phạm chị, hay ghen

tuông vô cớ, không tôn trọng gia đình vợ nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh Q có xin chị cho cơ hội để vợ chồng hàn gắn nhưng chị không đồng ý. Nay yêu cầu được ly hôn với anh Q.

- Về con chung: Có 02 con chung là Đặng Gia B sinh ngày 31/8/2012 và Đặng Gia B1 sinh ngày 04/01/2021. Hiện nay 02 con đang sống với anh Q. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B1, yêu cầu anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm nghề buôn bán thịt heo thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/tháng, còn anh Q làm tài xế lái xe dịch vụ.

- Về tài sản chung: Tự thảo thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Đặng Tuấn Q trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về quá trình chung sống, kết hôn. Trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên cự cãi, vợ chồng hay đánh nhau. Từ năm 2011đến năm 2018 do anh làm không có tiền, đến năm 2018 anh có đăng hình anh với người con gái khác để chọc tức vợ vì vợ nói anh không ra gì, thực sự anh không có quan hệ gì với người con gái đó. Anh không có ăn chơi, anh làm nghề lái xe dịch vụ, chạy ngày chạy đêm để làm có tiền cất nhà, lo cho vợ con nhưng để xảy ra tại nạn (02 lần) nên tiền làm ra dùng để bồi thường cho người ta chứ không dùng tiêu xài cá nhân. Vợ chồng có cãi lộn chứ không có lớn tiếng xúc phạm chị H. Vợ cH đã sống ly thân từ tháng 6/2023 cho đến nay do vợ tự ý bỏ đi. Trong thời gian ly thân, anh có xin cho cơ hội để vợ chồng hàn gắn nhưng chị H không đồng ý và do anh buồn chuyện gia đình nên có chơi cờ bạc và hiện còn nợ tiền cờ bạc người khác. Nay không đồng ý ly hôn do còn thương vợ, muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con.

- Về con chung: Có 02 con chung là Đặng Gia B sinh ngày 31/8/2012 và Đặng Gia B1 sinh ngày 04/01/2021. Không đồng ý để vợ nuôi con, muốn vợ cH cùng nuôi. Hiện anh làm nghề lái xe dịch vụ thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Tự thảo thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh H, cho chị H được ly hôn với anh Q, giao cháu B1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu B cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không xem xét. Chị H phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa, các qui định của pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn và bị đơn có địa chỉ tại xã TH nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Q chung sống với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH vào ngày 10/12/2015 nên là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, xét thấy, anh Q là người đã có vợ con mà còn đăng hình ảnh của mình chụp với người con gái khác để thách thức, chọc tức chị H trong thời gian vợ chồng có mâu thuẫn bất hòa mà đáng lý ra anh Q phải tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh Q và chị H không nể trọng nhau, xưng hô "mày – tao" từ năm 2011 đến nay, tại tòa hôm nay anh Q nhiều lần gọi chị H là nó, trong thời gian ly thân anh Q có chơi cờ bạc và hiện còn nợ tiền cờ bạc người khác. Ngoài ra giữa chị H với anh Q có mâu thuẫn về tiền bạc, vợ chồng thường xuyên cự cãi, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu (từ tháng 6/2023 cho đến nay) và trong thời gian ly thân chị H đã không cho anh Q cơ hội để vợ chồng đoàn tụ. Điều đó thể hiện ý chí của anh Q là không quý trọng tình cảm vợ chồng, anh Q và chị H không nể trọng nhau. Anh Q không đưa ra được giải pháp để vợ chồng đoàn tụ. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở, phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn anh Q.

[4] Về con chung: Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B1, yêu cầu anh Q trực tiếp nuôi dưỡng nuôi cháu B. Xét thấy, hiện cháu B đang học tại trường THCS TH và có nguyện vọng được sống với anh Q, cháu B1 còn nhỏ, chị H và anh Q có thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/tháng/người, có điều kiện nuôi con tốt. Do đó để đảm bảo ổn định cuộc sống và quyền lợi của cháu B và cháu B1 nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu B cho anh Q, giao cháu B1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H và anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H và anh Q không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản: Do chị H và anh Q không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Do chị H và anh Q trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ánh H được ly hôn với anh Đặng Tuấn Q.

2. Về con chung: Giao con chung là Đặng Gia B sinh ngày 31/8/2012 cho anh Đặng Tuấn Q được trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Đặng Gia B1 sinh ngày 04/01/2021 cho chị Nguyễn Thị Ánh H được trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H và anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ánh H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0012067 ngày 16/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, chị H đã nộp xong án phí.

4. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày; đối với chị Nguyễn Thị Ánh H và anh Đặng Tuấn Q được tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã TH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hoàng Thi